

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN LÃO
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2022/HNGĐ-ST

Ngày 29 tháng 7 năm 2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Huy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà: Nguyễn Thị Hoa.

Ông: Lê Hoàng Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Nghi là Thư ký Tòa án huyện An Lão, tỉnh Bình Định;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Lão, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 63/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022 về : “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị T, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn T, xã A , huyện An Lão, tỉnh Bình Định (có mặt).

- Bị đơn: Anh Lê Sỹ T, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện An Lão, tỉnh Bình Định (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22 tháng 02 năm 2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Huỳnh Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Trước khi thành hôn chị T và anh T tự tìm hiểu với nhau, được hai bên gia đình đồng ý, cả hai tự nguyện đi đến hôn nhân. Đăng ký kết hôn ngày 17/7/2015 tại UBND thị trấn An Lão. Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được 01 năm thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Lý do, anh T thường xuyên uống rượu say sấn về nhà kiểm chuyện chửi bới chị, không quan tâm gì đến

vợ con, tính tình ngày càng không còn hợp nhau nên thường xuyên cãi vã lẫn nhau, những lúc nóng anh T có lần đánh đập chị. Chị T nhiều lần khuyên anh T giảm bớt uống rượu để lo làm ăn nhưng anh không nghe. Chị T và anh T đã sống ly thân trên 6 tháng nay, không bên nào còn quan tâm chăm sóc cho nhau nữa. Nay chị không còn tình cảm yêu thương anh T nên chị yêu cầu Tòa giải quyết ly hôn với anh T.

- Về nuôi con chung: Chị T và anh T có 02 đứa con chung là Lê Huỳnh Ngọc S1, sinh ngày 14/8/2016 và Lê Huỳnh Ngọc S2, sinh ngày 25/3/2020. Tại phiên hòa giải, chị T thống nhất khi ly hôn, chị T giao 02 con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị T thay đổi người trực tiếp nuôi con, chị yêu cầu trực tiếp nuôi con Lê Huỳnh Ngọc S2, giao con Lê Huỳnh Ngọc S1 cho anh T nuôi dưỡng đến trưởng thành, chị T không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con lẫn nhau. Chị T cho rằng con Lê Huỳnh Ngọc S2 còn quá nhỏ, nếu giao cho anh T nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo.

- Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Sỹ T trình bày:

- Về hôn nhân: Trước khi thành hôn anh và chị T tự nguyện tìm hiểu với nhau, được hai bên gia đình đồng ý, cả hai tự nguyện đi đến hôn nhân. Đăng ký kết hôn ngày 17/7/2015 tại UBND thị trấn An Lão như lời chị T trình bày là đúng, mâu thuẫn vợ chồng là do anh hay uống rượu về muộn, ít quan tâm đến vợ con, tính tình vợ chồng ngày càng không còn hợp nhau, luôn bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã lẫn nhau, khi mâu thuẫn trầm trọng thì anh và chị T đã sống ly thân trên 6 tháng nay, mặc dù anh chị đã sống ly thân với nhau nhưng tình cảm của anh đối với chị T vẫn còn, anh muốn chị T cùng anh xây dựng hạnh phúc gia đình, nên anh không đồng ý ly hôn với chị T, cho dù chị T cương quyết ly hôn với anh thì anh cũng không đồng ý ly hôn với chị T.

- Về nuôi con chung: Anh và chị T có 02 đứa con chung là Lê Huỳnh Ngọc S1, sinh ngày 14/8/2016 và Lê Huỳnh Ngọc S2, sinh ngày 25/3/2020. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn giữa anh và chị T thì anh nhận nuôi 02 con đến trưởng thành, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về chia tài sản chung: Trường hợp ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cho biết: Địa phương không biết nguyên nhân thuận giữa chị T và anh T, bởi vì anh chị khoảng 2 năm nay không còn sống tại địa phương. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm HĐXX nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán: Chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) từ khi thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách tham gia tố tụng đúng; thu thập tài liệu, chứng cứ của vụ án đầy đủ, xác minh tình trạng hôn nhân, con chung, mở phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng pháp luật. Ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu đảm bảo thời hạn quy định, cấp phát các văn bản tố tụng đúng trình tự thủ tục luật định.

Hội đồng xét xử: Thành phần 01 Thẩm phán, 02 Hội thẩm đúng quy định tại Điều 63 BLTTDS, nguyên tắc xét xử độc lập, tuân thủ các quy định chung về phiên tòa. Thư ký: Phổ biến nội quy phiên tòa, báo cáo sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia tố tụng, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đúng quy định tại Điều 51, 237 BLTTDS.

Nguyên đơn: Chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ đúng quy định Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 và Điều 85 của Luật hôn nhân và gia đình:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Huỳnh Thị T được ly hôn với anh Lê Sỹ T;

- Về nuôi con chung: Giao Lê Huỳnh Ngọc S1, sinh ngày 25/3/2020 cho chị Trà trực tiếp nuôi dưỡng. Giao Lê Huỳnh Ngọc S2, sinh ngày 14/8/2016, cho anh Tiến nuôi dưỡng, chăm sóc đến trưởng thành. Hai bên tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con nên không xem xét;

- Về chia tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự buộc chị Trà phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đây là vụ án có quan hệ tranh chấp: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn”, giữa nguyên đơn chị Huỳnh Thị T và bị đơn anh Lê Sỹ T, cùng cư trú tại huyện An Lão, tỉnh Bình Định. Các điều kiện thụ lý như: Chủ thể, thẩm quyền đảm bảo nên Tòa án nhân dân huyện An Lão thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28, 35, 39 BLTTDS.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Lê Sỹ T là bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 238 thì Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn, HĐXX thấy rằng:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị T và anh Lê Sỹ T kết hôn năm 2015 tại Ủy ban nhân dân thị trấn An Lão trên cơ sở tự nguyện, như vậy hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Sau khi thành hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được 01 năm, mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu từ năm 2016, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không còn hợp nhau, luôn bất đồng về quan điểm sống, anh Tiến ít quan tâm chăm sóc đến vợ con mà chỉ quan tâm đến bản thân của mình. Hơn 06 tháng nay giữa anh chị đã sống ly thân, không bên nào còn quan tâm chăm sóc cho nhau nữa. Mặc dù anh T không đồng ý ly hôn với chị T nhưng có căn cứ cho rằng anh T trong suốt thời gian hai người ly thân, anh không muốn vun vén tình cảm vợ chồng với chị T, mà vợ chồng ly thân với nhau, tự lập sinh sống, không quan tâm, chăm sóc đến nhau trong thời gian dài, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của người chồng, người cha làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy HĐXX có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn với anh T, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị T và anh T có 02 con chung Lê Huỳnh Ngọc S1, sinh ngày 14/8/2016 và Lê Huỳnh Ngọc S2, sinh ngày 25/3/2020. Xét thấy 02 cháu S1 và S2 chưa thành niên, trong đó cháu S1 đã trên 36 tháng tuổi, nhưng dưới 7 tuổi, cháu S2 thì dưới 36 tháng tuổi. Kể từ khi cha mẹ sống ly thân đến nay, chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu đảm bảo tốt về mọi mặt. Nhưng quá trình giải quyết vụ án, chị T lại thỏa thuận giao 02 con cho anh T nuôi dưỡng đến trưởng thành, việc thỏa thuận của chị T không đảm bảo đến quyền và lợi ích cho con, bởi vì trong suốt thời gian hai vợ chồng sống ly thân, anh T ít quan tâm, chăm sóc đến con, nếu giao 02 con cho anh T nuôi sẽ không đảm bảo mọi mặt cho các con. Tuy nhiên, tại phiên tòa, chị T thay đổi người trực tiếp nuôi con, chị xin nhận nuôi dưỡng, chăm sóc con Lê Huỳnh Ngọc S2, giao con con Lê Huỳnh Ngọc S1 cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng đến trưởng thành. Việc chị T nhận nuôi cháu S2, giao anh T nuôi cháu S1 sẽ đảm bảo quyền và lợi ích của các con và phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận với yêu cầu của chị T là giao Lê Huỳnh Ngọc S2 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giao Lê Huỳnh Ngọc S1 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị T và anh T thỏa thuận không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con nên không xem xét.

[2.3] Về chia tài sản: Chị T, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí HNGĐ: Chị Huỳnh Thị T phải nộp án phí 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án để sung vào ngân sách Nhà nước.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên, kiểm sát việc xét xử tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 85 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Huỳnh Thị T và anh Lê Sỹ T.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao Lê Huỳnh Ngọc S2, sinh ngày 25/3/2020 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao Lê Huỳnh Ngọc S1, sinh ngày 14/8/2016 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến trưởng thành, đủ 18 tuổi.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con các bên không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng tiền nuôi con.

3. Về chia tài sản chung: Các bên đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số: 0001119 ngày 10/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão. Chị T đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29/7/2022). Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn An Lão (Bộ phận thực hiện việc đăng ký kết hôn);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Huy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Huy